

ĐẶC THÙ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DẦU KHÍ VÀ VẤN ĐỀ SỬA ĐỔI LUẬT DẦU KHÍ

Nguyễn Hồng Minh
Viện Dầu khí Việt Nam
nguyenhongminh@vpi.pvn.vn

TÓM TẮT

Bài báo phân tích những đặc thù cơ bản của quản lý nhà nước về dầu khí, đó là thu hút đầu tư nước ngoài thông qua thiết kế loại hình và các điều khoản tài chính của hợp đồng dầu khí, quản lý hợp đồng chia sản phẩm và sự tham gia của công ty dầu khí quốc gia vào công tác quản lý nhà nước. Trên cơ sở đó, bài báo phân tích thực trạng quản lý nhà nước ở Việt Nam, chỉ ra một số hạn chế và đề xuất định hướng sửa đổi Luật Dầu khí.

Từ khóa: quản lý nhà nước, công nghiệp dầu khí, Luật Dầu khí

I. MỞ ĐẦU

Luật Dầu khí được ban hành ngày 6/7/1993, được sửa đổi bổ sung vào các năm 2000 và năm 2008. Luật Dầu khí là cơ sở pháp lý trong quản lý điều hành ngành Dầu khí, một ngành công nghiệp quan trọng của đất nước ta, tạo điều kiện cho sự phát triển của ngành dầu khí trong lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí, đóng góp lớn vào nguồn thu ngân sách Nhà nước và phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia và bảo vệ chủ quyền của Việt Nam trên biển Đông. Trong điều kiện của nền kinh tế hội nhập sâu rộng và toàn diện với nền kinh tế thế giới, cũng như sự biến động của nền kinh tế thị trường, việc sửa đổi Luật Dầu khí cho phù hợp với tình hình mới là rất cần thiết. Chính vì vậy, Dự thảo Luật Dầu khí (sửa đổi) đã được công bố để lấy ý kiến đóng góp của nhân dân. Việc trao đổi về vấn đề quản lý nhà nước và nội dung sửa đổi Luật Dầu khí là nội dung đang được quan tâm hiện nay.

II. NỘI DUNG TRAO ĐỔI

2.1. Về Dự thảo Luật Dầu khí (sửa đổi)

Ngày 14/12/2020 Bộ Công Thương có Tờ trình số 9601/TTr-BCT trình Chính phủ về đề nghị xây dựng Luật Dầu khí (Thay thế Luật Dầu khí 1993, sửa đổi bổ sung năm 2000 và năm 2008). Bộ Công Thương- Cơ quan được giao chủ trì soạn thảo Luật Dầu khí (sửa đổi) đã phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan tổ chức xây dựng Luật Dầu khí (sửa đổi) theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Ngày 23/9/2021, Bộ Công Thương có Công văn số 5839/BCT-DKT gửi xin ý kiến các Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị về Dự thảo Luật Dầu khí (sửa đổi) được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử

của Chính phủ và Website của Bộ Công Thương. Hiện nay, Dự thảo tiếp tục được hoàn thiện để trình Quốc hội.

Dự thảo Luật Dầu khí (sửa đổi) được Bộ Công Thương soạn thảo gồm 10 Chương, 69 điều đề cập đến toàn bộ các nội dung liên quan đến quản lý nhà nước, hoạt động khai thác dầu khí, quyền và nghĩa vụ của nhà thầu và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, ... và có nhiều nội dung mới so với Luật Dầu khí hiện hành.

2.1. Trao đổi và thảo luận

Để có thể làm rõ, góp ý vào nội dung Luật Dầu khí (sửa đổi), xin trao đổi về một số vấn đề: đặc thù quản lý nhà nước về dầu khí; thực trạng quản lý nhà nước về dầu khí ở Việt Nam, trên cơ sở đó trao đổi đề xuất một số nội dung sửa đổi.

2.1. Đặc thù quản lý nhà nước về dầu khí

Quản lý nhà nước là hoạt động thực thi quyền lực nhà nước do các cơ quan nhà nước thực hiện nhằm xác lập một trật tự ổn định, phát triển xã hội theo những mục tiêu mà nhà nước đặt ra. Chủ thể quản lý thường đảm nhiệm 02 nhóm chức năng chính, là hoạch định chính sách và điều hành, thực thi chính sách. Hai chức năng này, cùng với chức năng sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, tạo nên tam giác chức năng *Hoạch định chính sách – Điều hành chính sách – Kinh doanh/đầu tư* (Policy Maker-Regulator-Operator).

Dựa trên vị trí của Công ty dầu khí Quốc gia (National Oil Company- NOC) trong tam giác chức năng đã nêu, có thể phân loại thành 4 mô hình quản lý nhà nước về dầu khí [4]:

- Mô hình 1: Công ty dầu khí quốc gia thực hiện cả 3 chức năng. Trong trường hợp này, Nhà nước

ban hành Luật dầu khí trao toàn quyền, kể cả việc sở hữu dầu khí cho NOC. Malaysia là một ví dụ điển hình cho Mô hình 1;

- **Mô hình 2:** Công ty dầu khí quốc gia tham gia thực hiện 2 chức năng: điều hành thực thi chính sách, đồng thời là nhà đầu tư, kinh doanh dầu khí. Trường hợp này, Luật dầu khí pháp lý hóa vị trí, vai trò cụ thể của NOC để bảo đảm môi trường kinh doanh rõ ràng, minh bạch. Nhiều nước chọn mô hình này, trong đó có Việt Nam;

- **Mô hình 3:** Công ty dầu khí quốc gia chỉ tham gia đầu tư, kinh doanh. Chính phủ thực hiện đầy đủ và toàn bộ chức năng quản lý nhà nước về dầu khí. Khi đó, mục tiêu của NOC chỉ là kinh tế. Trong quá trình hoạt động, NOC được đối xử bình đẳng, ngang hàng với các nhà đầu tư khác. Na Uy là ví dụ cho mô hình này. Indonesia là nước trước đây áp dụng Mô hình 2 và hiện đang chuyển dần sang mô hình 3;

- **Mô hình 4:** Không có công ty dầu khí quốc gia. Chính phủ thực hiện toàn bộ chức năng quản lý nhà nước về dầu khí. Hoạt động sản xuất kinh doanh hoàn toàn của các công ty tư nhân. Mỹ, Anh... là những nước đi theo mô hình này.

Bên cạnh Công ty dầu khí quốc gia, hệ thống quản lý nhà nước về dầu khí còn có một thành tố mang tính đặc thù nữa, đó là hợp đồng dầu khí. Điều này xuất phát từ việc lĩnh vực dầu khí hết sức rủi ro, trong khi lại đầu tư lại lớn. Nhà nước và nhà đầu tư đều cần 1 hợp đồng cam kết lâu dài, ràng buộc trách nhiệm và phân chia quyền lợi 2 bên cho cả một chặng đường 25-30 năm với nhiều thay đổi có thể xảy ra.

Trên thế giới, tồn tại 3 loại hình hợp đồng dầu khí:

- **Hợp đồng tô nhượng (Concession Contract):** trong loại hợp đồng này, nhà đầu tư chi trả tiền thuê mặt đất hoặc mặt biển, trả thuế tài nguyên và các loại thuế khác. Trong loại hợp đồng này nhà đầu tư có toàn quyền sở hữu và quyết định sử dụng dầu, khí khai thác được;

- **Hợp đồng phân chia sản phẩm (Production Sharing Contract-PSC):** trong hợp đồng PSC có quy định về chi phí được thu hồi. Đây là chi phí nhà đầu tư đã bỏ ra để thăm dò, phát triển và khai thác mỏ dầu khí. Thông thường, dầu khí khai thác được, sau khi trừ thuế tài nguyên và dành một tỷ lệ nào đó cho thu hồi chi phí, sẽ được chia giữa nhà đầu tư và nhà nước theo 1 tỷ lệ được thỏa thuận trước. Như vậy, nhà nước và nhà đầu tư, mỗi bên sở hữu một phần sản lượng dầu khai thác;

- **Hợp đồng dịch vụ (Service Contract):** nhà nước trả phí theo một mức nhất định, thường tính

trên 1 thùng trữ lượng cho công tác thăm dò hay 1 thùng dầu khí trong sản lượng khai thác. Nhà đầu tư chấp nhận đầu tư rủi ro, nhận thanh toán phí theo trữ lượng phát hiện hoặc theo sản lượng khai thác. Nhà nước sở hữu toàn bộ dầu khí khai thác được.

Trong các loại hợp đồng nói trên, hợp đồng PSC khá phổ biến do sự cân bằng lợi ích và tính linh hoạt của việc chia dầu khí giữa hai bên. Khi sử dụng hình thức hợp đồng PSC, quản lý nhà nước về dầu khí có thêm một nhiệm vụ quan trọng là quản lý các hợp đồng dầu khí. Quản lý hợp đồng dầu khí sẽ bao gồm cả hai khía cạnh kinh tế-pháp lý và kỹ thuật, nhằm bảo đảm thực thi cam kết của các bên, kiểm soát chi phí thu hồi, mà về nguyên tắc chính là để tối ưu nguồn thu của nhà nước.

Như vậy, trong Mô hình 2 với hợp đồng PSC, những đặc thù cơ bản nhất mà quản lý nhà nước về dầu khí cần quan tâm là:

- **Thu hút đầu tư nước ngoài**, nhất là những đối tác chiến lược, để chia sẻ rủi ro và tranh thủ công nghệ, kinh nghiệm quản trị. Thu hút đầu tư thường thông qua điều chỉnh các điều khoản của hợp đồng dầu khí và đơn giản hóa các thủ tục hành chính;

- **Tổ chức quản lý các hợp đồng phân chia sản phẩm.** Quản lý các hợp đồng này đòi hỏi lâu dài, liên tục trong suốt đời mỏ. Quản lý cần hiệu quả, làm sao để tối đa quyền lợi quốc gia nhưng các thủ tục hành chính đối với nhà điều hành lại phải đơn giản, minh bạch, dễ thực hiện...;

- **Vai trò, trách nhiệm, quyền hạn của công ty dầu khí quốc gia.** Trong trường hợp công ty này tham gia 2 vai trò, kinh doanh và quản lý nhà nước. Việc làm rõ NOC có trách nhiệm quản lý nhà nước đến đâu, quyền hạn như thế nào là cần thiết. Việc này nhằm tạo môi trường minh bạch, bình đẳng, thuận lợi cho đầu tư nước ngoài. Đồng thời việc rõ ràng, minh bạch cũng tạo điều kiện cho công ty dầu khí quốc gia hoạt động đúng mục tiêu đặt ra, đóng góp nhiều nhất cho xã hội.

2.2. Thực trạng quản lý nhà nước về dầu khí ở Việt Nam

Quản lý nhà nước về dầu khí ở Việt Nam thực hiện thông qua hành lang pháp lý được quy định bởi Luật Dầu khí và các văn bản dưới luật. Trong đó, Luật dầu khí và Nghị định 95/2015/NĐ-CP và 33/2013/NĐ-CP trực tiếp liên quan đến thu hút đầu tư của các công ty dầu khí nước ngoài. Việc thu hút đầu tư nước ngoài để chia sẻ rủi ro và tranh thủ công nghệ, kinh nghiệm quản trị trong giai đoạn

trước, Việt Nam đã làm tương đối tốt. Kết quả là chúng ta có tổng cộng 108 hợp đồng đã ký kết và cho đến cuối 2017 đã thu hút đầu tư nước ngoài đến 36,1 tỷ USD, chiếm 73% tổng chi phí đã thực hiện (Bộ Công Thương, 2021) [2].

Tuy nhiên, so với một số nước có điều kiện thăm dò, khai thác dầu khí tương đồng, thì loại hình hợp đồng của Việt Nam kém đa dạng hơn. Trong khi Malaysia đã áp dụng đến 9 loại hợp đồng cho những mỏ, giai đoạn khác nhau, thì ở Việt Nam cho đến nay vẫn là dạng PSC truyền thống.

Tình hình thế giới đang có nhiều yếu tố khó lường, thị trường dầu khó dự báo. Trong nước thì thời kỳ thuận lợi đã qua, đầu tư vào dầu khí hiện không còn hấp dẫn như trước. Xuất hiện một loạt vấn đề mới, như nhiều mỏ sắp đến giai đoạn kết thúc hợp đồng, hoặc phải dừng do điều khoản hợp đồng không mang lại lợi ích cho nhà thầu. Nhưng trên thực tế, chi phí khai thác những mỏ này vẫn thấp hơn giá trị dầu khai thác được. Có mỏ cần đầu tư thêm để bổ sung trữ lượng, duy trì sản lượng, nhưng tính kinh tế của việc này không cao đối với nhà thầu theo điều khoản hợp đồng cũ; nhiều mỏ nhỏ có lợi nhuận cận biên làm nhà thầu không muốn phát triển. Tóm lại, bối cảnh đã thay đổi với hàng loạt vấn đề đặt ra cần một sự thay đổi căn bản trong việc khuyến khích đầu tư nước ngoài vào dầu khí, mà trước hết liên quan đến loại hình, cách thức triển khai và các điều khoản tài chính của hợp đồng dầu khí.

Tất cả các văn bản đều ít nhiều liên quan đến việc quản lý khía cạnh pháp lý, kinh tế các hợp đồng dầu khí, trong đó Nghị định 95/2015/NĐ-CP và Nghị định 33/2013/NĐ-CP trực tiếp và cụ thể liên quan đến đấu thầu, phê duyệt kết quả đấu thầu, ký kết, điều chỉnh, bổ sung, thay đổi, chấm dứt hợp đồng. Những việc này đều do Bộ Công Thương chủ trì, trong đó phần lớn là trình Thủ tướng. PVN có trách nhiệm xem xét, trước khi trình Bộ Công Thương triển khai thủ tục tiếp theo. Đầu mối tham mưu, xử lý các vấn đề quản lý nhà nước về dầu khí ở Bộ Công Thương là Vụ Dầu khí và Than, số lượng đội ngũ chuyên viên, quản cả ngành dầu khí và than. Thực tế này cho thấy vai trò quản lý nhà nước của Bộ Công Thương trên thực tế rất mờ nhạt.

Các Quyết định 84/2010/QĐ-TTg và Thông tư 24/2020/TT-BCT trực tiếp liên quan đến điều hành hoạt động kỹ thuật trong Hợp đồng dầu khí. Những việc này chủ yếu trao cho PVN. PVN cử đại diện tham gia Ủy ban quản lý các hợp đồng dầu khí có phía Việt Nam tham gia và cũng là cơ quan phê

duyet các phương án kỹ thuật do nhà thầu trình lên, trừ các báo cáo trữ lượng, phát triển và thu dọn mỏ. PVN cũng là cơ quan kiểm toán các hợp đồng này.

Tổng hợp lại, ta thấy, PVN được trao thẩm quyền phê duyệt hầu hết các vấn đề kỹ thuật. Tuy nhiên, PVN chưa đủ thẩm quyền để ban hành hướng dẫn thực hiện những báo cáo kỹ thuật này, nên việc thực thi, trình phê duyệt còn thiếu thống nhất và đây cũng là một phần nguyên nhân của việc chậm trễ khi giải quyết các thủ tục hành chính.

Tại PVN, đầu mối chính xử lý các vấn đề liên quan đến hợp đồng dầu khí là Ban quản lý hợp đồng dầu khí. Ban này đồng thời quản lý, tham mưu xử lý các vấn đề liên quan đến hợp đồng với tư cách là bên tham gia đầu tư vào dự án dầu khí (PVN, PVEP). Điều này dẫn đến một số trường hợp mâu thuẫn lợi ích, khi trong một vấn đề cần xử lý có cả lợi ích của hai bên: nhà đầu tư và nước chủ nhà.

2.3. Trao đổi về sửa đổi Luật dầu khí

Xuất phát từ những phân tích nêu trên, định hướng sửa đổi Luật dầu khí là cần đồng bộ với các văn bản dưới luật, củng cố vai trò quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, tạo điều kiện hoàn thiện quản lý nhà nước về dầu khí. Ngoài những sửa đổi quan trọng như Bộ Công Thương đã thực hiện trong dự thảo lần này, xin được đề xuất thêm một số vấn đề như sau:

- *Bổ sung thêm loại hình hợp đồng dịch vụ.* Hợp đồng do nhà nước thuê làm dịch vụ thăm dò, khai thác dầu khí hoặc thực hiện công việc nào đó liên quan đến dầu khí. Nhà nước trả phí dịch vụ và sở hữu tài nguyên, trữ lượng và sản lượng dầu sản xuất. Vì vậy, trong Hợp đồng không có cam kết tối thiểu, thu hồi chi phí. Kèm theo đó, phương thức đấu thầu, giao thầu hay chỉ định thầu loại hợp đồng cũng cần linh hoạt, đơn giản hơn so với hình thức đấu thầu lô tìm kiếm thăm dò, như hiện nay đang triển khai. Bên ký kết các loại hợp đồng thống nhất về một đầu mối là Bộ Công Thương. Việc này chỉ cần quy định nguyên tắc trong Luật, còn điều khoản, hồ sơ, thủ tục cụ thể sẽ do Nghị định điều chỉnh.

- *Phân chia lại thẩm quyền trong các thủ tục hành chính.* Đề xuất này nhằm củng cố, tăng cường quản lý nhà nước tại Bộ Công Thương. Cần chuyển các thẩm quyền liên quan đến quản lý khía cạnh kinh tế-pháp lý của hợp đồng từ PVN về Bộ, bao gồm toàn bộ công tác đấu thầu, ký hợp đồng

Bảng 1. Đề xuất một số thay đổi/điều chỉnh so với Dự thảo Luật dầu khí sửa đổi

STT	Vấn đề	Đề xuất thay đổi/bổ sung	Điều khoản quy định
1.	Điều tra cơ bản	Chuyển thẩm quyền từ Bộ TNMT sang Bộ Công Thương	Điều 8, khoản 2, 3; Điều 10
2.	Bổ sung Hợp đồng dịch vụ	Hợp đồng do nhà nước thuê làm dịch vụ thăm dò, khai thác dầu khí hoặc công việc có liên quan	Bổ sung điều và sửa Điều 30
3.	Tiếp nhận mỏ, cụm mỏ từ nhà thầu	Chuyển thẩm quyền cho Bộ Công Thương	Điều 40
4.	Quản lý kỹ thuật các Hợp đồng dầu khí	Trao PVN thẩm quyền ban hành hướng dẫn, kiểm tra thực hiện và chế tài phạt vi phạm	Bổ sung điều trước Điều 42
5.	Thẩm định, phê duyệt báo cáo tài nguyên, trữ lượng dầu khí	Chuyển thẩm quyền phê duyệt cho Bộ Công Thương	Điều 44
6.	Thẩm định, phê duyệt kế hoạch phát triển mỏ dầu khí	Chuyển thẩm quyền phê duyệt cho Bộ Công Thương	Điều 47
7.	Quỹ thu dọn mỏ	Chuyển Bộ Công Thương quản lý	Điều 53, khoản 4
8.	Kiểm toán	Bổ sung Bộ Công Thương tham gia cùng PVN kiểm toán Hợp đồng Dầu khí	Điều 55, 56
9.	Thuế	Bỏ thuế tài nguyên đối với hợp đồng dịch vụ mà nhà nước là chủ sở hữu dầu khí khai thác được	Điều 58
10.	Quyền, nghĩa vụ của PVN	Điều chỉnh quyền, nghĩa vụ của PVN như các đề xuất trên đây	Điều 61, 62
11.	Trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ	Phân cấp chuyển các quyền phê duyệt báo cáo RAR và FDP về Bộ Công Thương	Điều 64
12.	Trách nhiệm của Bộ Công Thương	Điều chỉnh theo đề xuất phân quyền trên đây	Điều 65

dầu khí, quản lý quỹ thu dọn mỏ và tổ chức bán phần sản phẩm của nước chủ nhà... Một số thủ tục phê duyệt thuộc thẩm quyền Thủ tướng cũng nên phân cấp xuống cho Bộ, như phê duyệt các báo cáo trữ lượng, phát triển mỏ (trừ phát triển theo chuỗi), hợp nhất mỏ...

- *Luật hóa rõ hơn quyền hạn quản lý, giám sát, kiểm tra hợp đồng dầu khí của PVN.* Cho phép PVN có thể ban hành quy trình, hướng dẫn và kiểm tra thực hiện đối với các nhà điều hành. Trường hợp nhà điều hành có vi phạm, tùy theo mức độ, có chế tài cho phép PVN đề xuất Bộ Công Thương phạt.

Giải pháp về tổ chức là Bộ Công Thương hình thành cục/vụ riêng về quản lý dầu khí và củng cố, tăng cường nguồn lực cho cơ quan tham mưu quản lý này. Cục/vụ này sẽ tiếp quản dần các chức năng liên quan đến đấu thầu, quản lý pháp lý và kinh tế hợp đồng, quản lý quỹ thu dọn mỏ, tổ chức bán sản phẩm của nhà nước trong hợp đồng dầu khí, và sau đó tiến tới quản lý điều tra cơ bản, hợp tác quốc tế về dầu khí, quản lý thông tin dầu khí...

Bản thân PVN cần tự tách bạch giữa chức năng quản lý, giám sát hợp đồng dầu khí (với tư cách đại diện cho nhà nước) và quản lý hợp đồng dầu khí với tư cách là nhà đầu tư, kinh doanh. Giải pháp tổ chức có thể là hình thành Bộ phận riêng về quản lý nhà nước trong PVN. Bộ phận này có trách nhiệm

đối xử bình đẳng với các nhà điều hành, nhà đầu tư dù thuộc PVN hay đầu tư nước ngoài. Mục tiêu, chỉ số đo lường KPI cho bộ phận này sẽ chủ yếu liên quan đến thời gian xử lý thủ tục hành chính, đánh giá, nhận xét của nhà thầu, tiến độ các dự án, khối lượng công việc kỹ thuật...

Từ những định hướng chính nêu trên, xin đề xuất một số thay đổi cụ thể trong dự thảo Luật Dầu khí mà Bộ Công Thương đang trình Thủ tướng như trong Bảng 1.

3.KẾT LUẬN

Với những kiến nghị nêu trên, việc chuyển thẩm quyền quản lý, phê duyệt điều tra cơ bản từ Bộ Tài nguyên Môi trường sang Bộ Công Thương sẽ giúp Bộ Công Thương có điều kiện chủ động nắm vững thông tin về tiềm năng dầu khí phục vụ việc phân lô một cách hợp lý, tham mưu chính sách khuyến khích đầu tư, đưa ra tiêu chí đấu thầu phù hợp và xa hơn nữa để hoạch định chiến lược phát triển ngành dầu khí. Khi đó, thông tin điều tra cơ bản sẽ được thông báo cho Bộ Tài nguyên Môi trường để tổng hợp chung.

Với sự tăng cường quản lý nhà nước như đề xuất nêu trên, hy vọng hoạt động dầu khí sẽ có bước phát triển mới, mang lại nguồn thu ổn định cho ngân sách và hiệu quả cao hơn cho các doanh nghiệp □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. BCG (2014). Báo cáo tư vấn của BCG. Lưu trữ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
2. Bộ Công thương (2021). Nội dung dự thảo Luật dầu khí (sửa đổi) (www.moit.gov.vn)
3. Đoàn Văn Thuần (2021). Quản lý nhà nước về dầu khí tại một số quốc gia trên thế giới. Bài trình bày tại Hội thảo về sửa đổi Luật Dầu khí, do Liên hiệp các Hội khoa học-kỹ thuật tổ chức, 20/12/2021.
4. Doric B., Dimovski V (2018). Managing petroleum sector performance – a sustainable administrative design. Economic Research. Volume 31, 2018-Issue 1 (www.tandfonline.com)
5. Indra Overland (2017). Norway: Public Debate and the Management of Petroleum Resources and Revenues (https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-319-60627-9_13)
6. Hoàng Thị Đào, Nguyễn Thu Hà (2020). Mô hình tổ chức quản lý hoạt động dầu khí thượng nguồn của Petronas. Tạp chí Dầu khí, số 2-2020, tr. 53-61.
7. Nguyễn Hồng Minh (2018). Hoàn thiện thể chế để ngành Dầu khí Việt Nam tiếp tục phát triển. Tạp chí Năng lượng Việt Nam, 12/6/2018.
8. Nguyễn Hồng Minh (2020). Nghị quyết số 55-NQ/TW và định hướng chiến lược đối với ngành Dầu khí Việt Nam. Tạp chí Dầu khí, số 7-2020, tr. 14-18.
9. Petronas (2021). Petronas Procedures and Guidelines for Upstream Activities 4.1. (platinum.petronas.com)
10. Phạm Kiều Quang, Đoàn Văn Thuần (2009). Kinh nghiệm hoạt động dầu khí thượng nguồn của một số nước trong khu vực. Tạp chí Dầu khí, số 7-2009, tr. 74-84.
11. Trần Ngọc Toàn (2015). Quản lý nhà nước về dầu khí: kinh nghiệm của Indonesia. Tạp chí Năng lượng Việt Nam (nangluongvietnam.vn).
12. Trần Ngọc Toàn (2005). Ngành dầu khí Indonesia sau Luật dầu khí sửa đổi năm 2001. Tạp chí Dầu khí, số 8-2005, tr. 47-51.

**NOTABLE FEATURES OF PUBLIC PETROLEUM MANAGEMENT
AND SUGGESTION FOR PETROLEUM LAW REVISION IN VIETNAM****Nguyen Hong Minh****ABSTRACT**

The paper analyses the notable features of public petroleum management, namely attracting foreign investment through design and fiscal terms of petroleum contract, production sharing contract management and participation of national oil company in these management processes. In the background of these understandings, the paper describes current situation of petroleum public management in Vietnam, highlights some issues that need to be improved and suggests directions for revision of Petroleum Law in Vietnam.

Keywords: public management, petroleum industry, Petroleum Law

Ngày nhận bài: 20/11/2021;

Ngày gửi phản biện: 20/11/2021;

Ngày nhận phản biện: 18/12/2021;

Ngày chấp nhận đăng: 10/1/2022.

Trách nhiệm pháp lý của các tác giả bài báo: Các tác giả hoàn toàn chịu trách nhiệm về các số liệu, nội dung công bố trong bài báo theo Luật Báo chí Việt Nam.